

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NL  
TỈNH THA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Xuân Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Hoàn.

Bà Lê Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà:**  
Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995. (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Z, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. Nơi ở hiện nay: Thôn R, xã VA, huyện NL, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1995. (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Thôn Z, xã KT, huyện NL, tỉnh TH.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Cao Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện NL. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ cuối năm 2021 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Văn H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Cao Văn H có một con chung là Cao Thị Ngọc T, sinh ngày 20/3/2018. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu T cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị yêu cầu anh Cao Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cao Văn H có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H thì không gặp được anh H, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho chị Quách Thị T là chị dâu của anh H, chị T trình bày: Anh H là em chồng của chị và đang ở chung nhà với gia đình chị. Anh H và chị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Z, xã KT, hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn R, xã VA sinh sống. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H gia đình chị đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị T và anh H có một con chung là Cao Thị Ngọc T, sinh ngày 20/3/2018, hiện nay cháu T đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo nội dung văn bản cho anh H biết, nhưng do anh H đi làm ăn xa, không về giải quyết việc ly hôn với chị T được. Anh H nhờ chị trao đổi với Tòa án là anh H đồng ý ly hôn, giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và chị T đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Cao Văn H. Giao cháu Cao Thị Ngọc T cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu T thành niên và buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NL, theo khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có mặt thuộc, nên không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 BLTTDS. Tòa án đã thông báo kết quả cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị T xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Vân Am,

huyện NL, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Anh H biết chị T làm đơn xin ly hôn và Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc để anh H được trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình, nhưng anh H đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Cao Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn H có một con chung là Cao Thị Ngọc T, sinh ngày 20/3/2018. Xét đề nghị xin được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không trình bày ý kiến về việc giao nuôi con, nên không có căn cứ giao con cho anh H. Lời khai của cháu Cao Thị Ngọc T và ý kiến trình bày của chị Quách Thị Thu (Chị dâu của anh H) xác định được kể từ khi chị T và anh H sống ly thân, chị T là người chăm sóc nuôi con và theo lời trình bày của chị Quách Thị Thu, anh H đồng ý ly hôn, đồng ý giao nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T, nguyện vọng xin nuôi con của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Cao Thị Ngọc T, nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

**Về hôn nhân:** Chị Lê Thị T được ly hôn anh Cao Văn H.

**Về con chung:** Giao cháu Cao Thị Ngọc T, sinh ngày 20/3/2018 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Cao Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025, cho đến khi cháu Cao Thị Ngọc T thành niên. Anh Cao Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Về án phí:** Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị

T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007572 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL. Anh Cao Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị T và anh Cao Văn H. Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH
- Các đương sự;
- UBND xã Vân Am, huyện NL;
- Chi cục THADS huyện NL;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Vinh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







